

BÁO CÁO**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NHIỆM KỲ 2010-2014****PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2015-2020****I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:****1. Khó khăn**

Kinh tế thế giới trong những năm 2010-2014 phục hồi chậm hơn dự báo. Mặc dù có một vài dấu hiệu tích cực cho thấy tình hình kinh tế đang phục hồi trở lại sau suy thoái nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu nhìn chung chưa vững chắc, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Xu thế giá gia công giảm và giá nhân công tăng hàng năm là trở ngại rất lớn đối với ngành Dệt May thường xuyên sử dụng nhiều lao động. Mức lương cơ bản năm 2015 tăng 58% so với 2010 (1.150.000 VNĐ / 730.000 VNĐ). Mức lương tối thiểu tăng hơn 3 lần (3.100.000 VNĐ / 980.000 VNĐ).

Luật lao động tuy có sửa đổi nhưng số giờ làm thêm không thay đổi. Với đặc thù ngành Dệt May sản xuất theo thời vụ đã làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp VN so với các nước trong khu vực.

Luật BHXH mới ban hành có hiệu lực từ 1.1.2016 theo đó mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi sẽ giảm 2% thay vì giảm 1% như hiện nay. Điều này làm tăng số lượng công nhân có tay nghề xin thôi việc, ảnh hưởng rất lớn đến việc điều hành sản xuất của các doanh nghiệp.

Số lượng các doanh nghiệp Dệt may có vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh trong 5 năm qua làm cho sự cạnh tranh trong ngành càng khốc liệt đặc biệt là cạnh tranh về lao động. Các doanh nghiệp FDI có ưu thế rõ rệt về tài chính, trình độ quản lý, thiết bị và trình độ công nghệ... đã chiếm phần lợi thế hơn hẳn các doanh nghiệp trong nước.

Trong những năm qua, thị trường Dệt May thế giới diễn biến khó lường, không theo quy luật và rất khó dự đoán, sự thay đổi diễn ra rất nhanh chóng đòi hỏi HĐQT và ban điều hành phải có mục tiêu và giải pháp hết sức linh hoạt trong công tác điều hành phù hợp với diễn biến tình hình trong từng giai đoạn.

Những yếu tố không thuận lợi từ thị trường thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta. Mặc dù Chính phủ đã có rất nhiều giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh nhưng khó khăn vẫn còn nhiều: Chi phí đầu vào vẫn liên tục tăng qua từng năm. Hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, lãi suất ngân hàng tuy có giảm từ 2013 trở lại đây

nhưng vẫn ở mức cao so với thế giới và khu vực . Trong đó chi phí cho nhân công trung bình chiếm tỷ lệ 26%/ tổng chi phí . Từ 2010 đến nay trung bình mỗi năm chi phí đầu vào của May 10 tăng bình quân trên 20%/năm trước liền kề, số liệu chi tiết:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	TH 2010	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014			% 14/10	KH 2015	KH 2015/TH 2014	
						KH	TH	%			Gtrị	%
1	Chi phí tiền lương	255.97	326.48	346.49	414.57	469.80	546.63	116.35	213.55	568.00	21.37	103.91
2	Chi phí ăn ca	10.08	14.72	16.87	18.87	20.00	21.26	106.30	210.91	21.50	0.24	101.13
3	CP BHXH, BHYT, BHTN	23.84	26.46	33.60	37.81	45.00	42.80	95.11	179.53	45.00	2.20	105.14
4	Chi phí thời việc	4.83	2.49	3.29	2.79	2.50	4.06	162.40	84.06	6.00	1.94	147.78
5	Chi phí vận chuyển	16.49	28.37	31.26	32.57	35.00	40.49	115.69	245.54	46.80	6.31	115.58
6	Chi phí xuất nhập khẩu	22.5	33.00	33.20	39.93	45.00	50.62	112.49	224.98	54.72	4.10	108.10
7	Chi phí thuê đất	1.59	2.99	1.63	4.98	5.00	4.38	87.60	275.47	5.00	0.62	114.16
8	Chi phí điện SX	10.82	12.01	14.37	17.63	18.00	19.38	107.67	179.11	23.50	4.12	121.26
9	Chi phí lãi vay	6.4	15.38	9.11	7.47	11.09	8.74	78.81	136.56	14.25	5.51	163.04
10	Chi phí bảo hộ lao động	1.15		1.20	2.90	1.70	3.10	182.35	269.57	15.00	11.90	483.87
11	CP phát triển thương hiệu ra TT Mỹ, EU									10.00	10.00	10.00
	Cộng	353.67	461.9	491.02	579.52	653.09	741.46	113.53	209.65	809.77	68.31	109.21
	% CP năm sau/năm trước		130.60	106.30	118.02		127.94			109.21		

Từ cuối năm 2014 đến nay thị trường EU suy giảm mạnh do sự mất giá của đồng EURO so với đồng USD và lượng hàng tồn kho nhiều do sức mua giảm. Các Khách hàng của thị trường này giảm đáng kể số lượng đặt hàng. Đặc biệt trong quý I/2015 một số Khách hàng EU đã hủy đơn hàng gây khó khăn rất lớn cho các doanh nghiệp.

2. Thuận lợi:

Chính trị và kinh tế vĩ mô nước ta ổn định trong giai đoạn vừa qua là thuận lợi cơ bản . Một số chính sách, thủ tục hành chính... đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển .

Các hiệp định thương mại song phương và đa phương FTA / TPP ... đã ký kết hoặc đang trong giai đoạn đàm phán đã tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển nếu biết khai thác hợp lý các lợi thế của các hiệp định này.

Tổng công ty May10 có định hướng chiến lược và mục tiêu cụ thể rõ ràng, phù hợp với xu thế chung của kinh tế thế giới là yếu tố thuận lợi cho công tác điều hành để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững Tổng công ty trong thời gian qua.

II – KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Tổng công ty May 10 dưới sự chỉ đạo đúng đắn, sáng tạo và quyết liệt của Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo TCTy cùng với sự phấn đấu nỗ lực của toàn thể CBCNV đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong giai đoạn 2010-2014, lo đủ việc làm thường xuyên cho gần 1 vạn lao động với các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của người lao động đều vượt kế hoạch đề ra.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh 5 năm (2010-2014): Xem Phụ lục 1

2. Công tác đầu tư:

2.1. Số liệu đầu tư thực hiện 5 năm (2010 – 2014): Xem phụ lục 2

2.2. Thực hiện đầu tư năm 2014

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 hoạch đầu tư 243,28 tỷ đồng; Giá trị đầu tư năm 2014 thực hiện 130,83 tỷ đồng, đạt 53,78%/ kế hoạch; tăng 5,5% so với năm 2013. Cụ thể:

- Đầu tư thiết bị chiều sâu, thiết bị bổ sung, thay thế và thiết bị quản lý nhằm tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả quản lý với mức đầu tư 60,68 tỷ đồng;

- Đầu tư tiếp thiết bị cho dự án veston Hưng Hà: 15,38 tỷ đồng

- Đầu tư dự án mở rộng xí nghiệp Hà Quảng (thực hiện tiếp của dự án) là: 39,68 tỷ;

- Cải tạo công trình, vật kiến trúc, hệ thống nhà xưởng và khuôn viên: 15,09 tỷ đồng

Lý do kết quả thực hiện trong công tác đầu tư năm 2014 chưa đạt so với kế hoạch đề ra là do 1 số hạng mục đầu tư được chuyển sang thực hiện trong năm 2015 và những năm tiếp theo do cần tập trung vào công tác sản xuất, rà soát và tính toán lại hiệu quả để phù hợp với diễn biến của thị trường và đảm bảo an toàn :

- Thiết bị tổng kho số 1 tại trụ sở Tổng công ty : 14.58 tỷ VNĐ

- Xây dựng ký túc xá sinh viên : 13.00 tỷ VNĐ

- Thiết bị cho XN Hà Quảng : 13.38 tỷ VNĐ

3. Những biện pháp chủ yếu đã thực hiện:

3.1 Phát triển nguồn nhân lực : (Công tác tư tưởng, tuyển dụng và đào tạo)

- Các cấp lãnh đạo May10 luôn lấy lời dạy của Bác Hồ “Tư tưởng thông thì công việc tốt” làm kim chỉ nam trong mọi hoạt động. coi nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng nhất quyết định mục tiêu phát triển bền vững. Vì vậy Tổng công ty đã thay đổi và áp dụng nhiều biện pháp sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế trong các công tác :

tuyển dụng , giáo dục tư tưởng , đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và trình độ quản lý . Trong 5 năm từ 2010 – 2014 đã tổ chức được trên 300 khóa đào tạo với gần 20.000 lượt CBCNV tham gia trong nhiều lĩnh vực. Đặc biệt là nội dung đào tạo “đổi mới tư duy – MT” thực hiện trong năm 2014 đã mang lại hiệu ứng đặc biệt tích cực cho NLĐ trong công việc và trong cuộc sống gia đình.

- Chủ động và tích cực trong việc cải thiện môi trường làm việc để người lao động tại mọi vị trí làm việc phát huy hết khả năng. Trong 5 năm từ 2010 – 2014 , mỗi năm Tổng công ty sử dụng bình quân trên 60% tổng giá trị kế hoạch đầu tư cho việc trang bị mới thiết bị công nghệ tiên tiến và phần mềm quản lý , duy tu và sửa chữa các công trình, vật kiến trúc. Ngoài việc liên tục cải thiện điều kiện làm việc, Tổng công ty rất quan tâm đến việc cải thiện môi trường làm việc theo hướng quản lý hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế .

- Kết quả của những công việc trên là sự cải thiện rõ rệt về năng suất lao động qua từng năm . Năng suất lao động trung bình hàng năm tăng từ 15 – 17%. Năm 2014 và so với 2010 thì năng suất trung bình của Tcty đã tăng trên 68% (21.01 usd / 12.46 usd). Điều này đã trực tiếp làm tăng khả năng cạnh tranh của Tổng công ty với các doanh nghiệp FDI và các nước trong khu vực .

3.2. Công tác thị trường:

3.2.1. Thị trường xuất khẩu:

- Tổng công ty đã tập trung củng cố, giữ vững và phát triển các thị trường chính Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản. Bên cạnh đó đã tiếp cận , phát triển thị trường tiềm năng như Hàn Quốc, Đài Loan, Brasil, Úc... Vượt qua thời kỳ khủng hoảng kinh tế toàn cầu từ 2008 đến nay đã khẳng định Tcty May10 thực sự có chất lượng, biết nắm bắt thời cơ để vượt qua khó khăn, không những thế mà còn biết tận dụng cơ hội để tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô hoạt động cả về chiều rộng và chiều sâu trong khi có rất nhiều đơn vị buộc phải thu hẹp sản xuất , thậm chí phải giải thể hoặc phá sản.

- Tiếp tục mở rộng hình thức hợp tác sản xuất với khách hàng trong việc đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng năng lực sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh của cả 2 bên. Trong giai đoạn 2010 - 2014 đã hợp tác với các Khách hàng để :

- + Đầu tư mở rộng năng lực SX tại Veston Hưng Hà.
- + Đầu tư giai đoạn 2 dự án Hà Quảng .
- + Mở rộng năng lực sản xuất XN Hưng hà.

- Tăng cường tìm kiếm các khách hàng trực tiếp , bỏ qua khâu trung gian. Giảm dần tỷ trọng hàng gia công CM, tăng dần tỷ trọng hàng FOB, từng bước chuyển dần sang hình thức kinh doanh ODM phù hợp với xu thế tất yếu trong tương lai.

- Tổ chức đánh giá các nhà cung cấp trong nước để lựa chọn nhà cung cấp tối ưu, tham gia tích cực vào chuỗi liên kết cung ứng của Tập đoàn Dệt may Việt Nam, chuẩn bị nguồn cung cấp vật tư trong nước để tận dụng lợi thế của các hiệp định FTA và TPP nhằm nâng cao sức cạnh tranh của May 10 trên thị trường quốc tế trong thời gian tới.

3.2.2. Thị trường trong nước

- Giai đoạn 2010 - 2014 đánh dấu bước ngoặt mới trong việc nghiên cứu, cải tiến mẫu mã đa dạng hoá sản phẩm. Tcty tổ chức đào tạo và phát triển đội ngũ thiết kế mẫu, xây dựng các bộ sưu tập thời trang theo từng mùa nhằm định hướng người tiêu dùng Việt nam. Do vậy ngày càng đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường phù hợp với thị hiếu và xu hướng của người tiêu dùng.

- Chuẩn hóa hình ảnh quảng cáo và nhận diện thương hiệu May 10 qua Website, biển hiệu, trang trí nội thất và bài trí sắp xếp hàng hóa trên toàn bộ hệ thống cửa hàng giới thiệu sản phẩm của Tổng công ty.

- Chú trọng phát triển chuỗi cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm May 10 trên toàn quốc, tập trung mở rộng hệ thống phân phối tại thị trường TP Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng... Đến nay đã có 133 cửa hàng – đại lý, mạng lưới phân phối dòng sản phẩm mang thương hiệu May 10 đã được phủ rộng trên toàn quốc.

- Đổi mới hoạt động kinh doanh siêu thị và phát triển mở rộng kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng đã tạo thêm thế và lực mới cho Tcty. Việc phát huy hiệu quả của các hoạt động này khẳng định hướng đi đúng đắn và tầm nhìn dài hạn của HĐQT và cơ quan điều hành Tcty.

3.3. Công tác nghiên cứu, tổ chức sản xuất:

- Chỉ đạo tổ chức sản xuất hợp lý, nghiêm túc tổ chức họp trước sản xuất để chủ động giải quyết các phát sinh. Chú trọng đến các yếu tố nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đặc biệt là việc triển khai quyết liệt và đồng bộ áp dụng chuyên LEAN, quản lý lượng hàng trên chuyên sản xuất đã góp phần nâng cao năng suất, ổn định chất lượng sản phẩm mang lại hiệu quả rõ rệt trong sản xuất. Năng suất bình quân toàn Tcty năm 2014 tăng 68% so với 2010.

- Từ năm 2010 Tcty áp dụng đồng bộ phần mềm quản lý sản xuất ngành may SEWMAN tại tất cả các phòng ban nghiệp vụ và xí nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý sản xuất. Quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện nhằm sử dụng hiệu quả các tiện ích của phần mềm này. Lấy kết quả thực hiện SEWMAN của đơn vị làm tiêu chí đánh giá cán bộ của đơn vị đó.

- Việc duy trì thường xuyên các chế độ khuyến khích biểu dương, khen thưởng, động viên kịp thời các tập thể và cá nhân người lao động tiêu biểu trong lao động sản xuất đã góp phần cổ vũ có hiệu quả các phong trào thi đua giữa các đơn vị trong toàn Tcty.

3.4. Các biện pháp khác:

* Tiếp tục phát huy và duy trì tổ chức các hoạt động thường niên :

- Hàng năm tổ chức hội nghị toàn thể người lao động tại từng đơn vị, lắng nghe trực tiếp tiếng nói của người lao động nhằm khơi dậy sức mạnh đoàn kết của CBCNV May 10, sự sáng tạo, nỗ lực của mỗi thành viên, xây dựng các biện pháp giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách, đặc biệt quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Năm 2014 Tcty là 1 trong 85 đơn vị được tôn vinh “Doanh nghiệp vì người lao động” lần thứ nhất do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tổ chức bình chọn .

- Coi trọng công tác đánh giá nội bộ và thực hiện quản lý hệ thống. Hàng năm, thông qua việc đánh giá nội bộ, hệ thống quản lý được cập nhật cải tiến liên tục phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Triển khai triệt để công tác trật tự trị an, ATVSLĐ, PCLB và PCCC; củng cố mạng lưới an ninh nhân dân và lực lượng tự vệ, tăng cường kiểm tra, kiểm soát nên toàn TCTy đều đảm bảo an toàn, không để xảy ra cháy nổ, thiệt hại hoặc mất an toàn LĐ.

Tóm lại, trong nhiệm kỳ 2010 – 2014 Tổng công ty đã thực hiện nhiều biện pháp tập trung vào 3 nội dung chủ yếu như sau :

+ Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực .

+ Đầu tư có hiệu quả, đặc biệt là đầu tư theo chiều sâu nhằm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

+ Củng cố và phát triển thương hiệu May10 trên thị trường trong nước và từng bước hội nhập quốc tế .

III. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH 2016 – 2020 .

Năm 2015, theo dự báo nền kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, cạnh tranh diễn ra quyết liệt hơn, diễn biến và nguy cơ tiềm ẩn khó lường hơn. Các chi phí đầu vào như điện, xăng dầu, nguyên liệu, vận chuyển, lương tối thiểu, tiếp tục tăng, dự kiến chi phí của May 10 tăng thêm khoảng 68 tỷ đồng so với năm 2014. Bên cạnh những thách thức nêu trên vẫn có những tín hiệu lạc quan xuất phát từ những hiệp định thương mại FTA/TPP sẽ có hiệu lực trong thời gian tới. Vấn đề đặt ra cho doanh nghiệp là làm thế nào để tận dụng được tối đa các lợi thế của các hiệp định thương mại đó.

Hội đồng quản trị đặt ra mục tiêu và các giải pháp trong năm 2015 và những năm tiếp theo, như sau:

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch (theo báo cáo tài chính riêng):

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2014	Kế hoạch 2015	So sánh %
1	Giá trị SXCN	Tỷ đồng	2,592.54	2,643.00	101,96
2	Doanh thu	"	2,366.49	2,450	103,5
3	Lợi nhuận	"	50.34	53.00	105.28
4	Nộp ngân sách	"	44.99	41.30	91.80
5	Trích khấu hao	"	85.55	90.00	105.20
6	Q.lương trích CP	"	546.63	565.00	103.36
7	Lao động BQ	Người	7,484.00	7,686.00	102.69
8	Thu nhập BQ	1000 đồng	6,041.69	6,470.00	106.00
9	Đầu tư	Tỷ đồng	130.8	220.49	168.50
10	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá/năm	%	18	Tối thiểu 18%	100

Kế hoạch từ năm 2016 – 2020, Tổng công ty đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân từ 10%-15% / năm:

- Lợi nhuận hàng năm tăng từ 5% trở lên
- Cổ tức hàng năm: từ 18% trở lên
- TNBQ hàng năm : tăng từ 7% trở lên

2. Các dự án đầu tư dự kiến sẽ thực hiện năm 2015 và những năm tiếp theo

Đơn vị: triệu đồng

Tên dự án 2015	Địa điểm	Dự kiến thời gian thực hiện				Giá trị
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
- Quy hoạch tổng thể Tổng công ty:	TCT	x	x	x	x	10,000
- Đầu tư thay thế MMTB thường xuyên năm 2015:	TCT	x	x	x	x	83,000
- Dự án mở rộng XN may Hà Quảng đầu tư thiết bị:	HQ		x	x		13,380
- Đầu tư 1 dây chuyền veston sản xuất hàng ODM tại May 10:	TCT		x	x	x	46,000

- Đầu tư thay thế điều hòa trung tâm:	TCT			x	x	10,000
- Thiết bị nhà kho số 1 tại Tổng công ty DT 3.700 m2:	TCT	x	x	x		14,580
- Xây nhà cho hội người mù tại Hưng Hà	Hưng Hà			x	x	1,500
- Xây dựng cửa hàng kinh doanh trong nước tại XN Hưng Hà DT 700 m2:	TCT			x	x	6,430
- XD KTX sinh viên	TCT			x	x	13,000
- Biển quảng cáo May 10	TCT			x		10,000
- Đầu tư, sửa chữa cải tạo khác	TCT		x	x	x	12,600
Cộng						220,490
Dự kiến đầu tư 2016						
- Mở rộng dự án Veston Hưng Hà GD 2	VTHH					100,000
- Đầu tư thiết bị chiều sâu	TCT					70,000
- Xây dựng nhà ăn ca DT 1.200 m2:						7,920
- Xây dựng nhà trẻ May 10 tại Hưng Hà DT 1.200 m2:						9,150
- Xây dựng nhà khách tại XN Hưng Hà 5 tầng diện tích XD sàn 200 m2						13,460
- Xây nhà khách và trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm 5 tầng tại May 10 DT sàn 700 m2 thực hiện từ 2016-2017:	TCT					40,000
- Đầu tư khác	TCT					5,000
Cộng						245,530

Trong các dự án đầu tư dự kiến thực hiện năm 2015 và những năm tiếp theo nêu trên, trong năm 2015 dự kiến thực hiện các hạng mục sau với tổng mức đầu tư ước thực hiện **220,49 tỷ đồng**:

- Đầu tư xây dựng thêm hệ thống kho đáp ứng được qui mô mở rộng và phát triển sản xuất nhằm đảm bảo an toàn cho quản lý hàng hóa (đã hoàn thành).
- Đầu tư máy móc thiết bị thường xuyên, thiết bị quản lý, phần mềm quản lý để thay thế và đổi mới nâng cao công nghệ
- Đầu tư dây chuyền thiết bị cho dự án ODM để nâng cao hiệu quả hàng xuất khẩu.
- Đầu tư hệ thống điều hoà trung tâm đáp ứng điều kiện làm việc và quản lý thiết bị khu sản xuất công nghệ cao.

- Thực hiện giải ngân tiếp thiết bị cho dự án Hà Quảng để khai thác công suất giá trị đầu tư ban đầu của dự án.
 - Đầu tư thiết bị chuyên dùng như máy cắt tự động, hệ thống là ép, chuyên treo và các thiết bị chuyên dùng khác nhằm tăng năng suất lao động.
 - Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng thông tin phục vụ cho công tác họp trực tuyến, thông tin liên lạc nội bộ nhằm tiết kiệm chi phí điện thoại, chi phí đi lại...
 - Xây dựng nhà cho hội người mù để đổi lấy đất mở rộng nhà xưởng sản xuất cho xí nghiệp may Hưng Hà – Thái Bình.
 - Đầu tư phần mềm quản lý kinh doanh hàng trong nước, quản lý nhân sự và tiền lương.
- Các hạng mục khác Tổng công ty sẽ căn cứ vào diễn biến thực tế của thị trường, lựa chọn thời điểm thích hợp xin ý kiến Hội đồng quản trị đầu tư các hạng mục đó.

3. Những giải pháp chủ yếu cần thực hiện trong thời gian tới:

- Các giải pháp đã được thực hiện tốt và hiệu quả trong 5 năm qua sẽ tiếp tục được duy trì, rút ra bài học kinh nghiệm và cải tiến đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất trong nhiệm kỳ tới 2015 - 2020.

Do tình hình hiện nay diễn biến phức tạp, mọi dự đoán đều mang tính chất tương đối, Cơ quan điều hành sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xem xét và có biện pháp chỉ đạo thực hiện thích hợp đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và mục tiêu của đại hội đồng cổ đông đặt ra, tập trung làm tốt 3 nội dung đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai :

- + Đào tạo phát triển nguồn nhân lực .
- + Đầu tư chiều sâu nhằm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.
- + Phát triển thương hiệu May10 trên thị trường trong nước cũng như hội nhập quốc tế.

4. Kế hoạch đơn giá tiền lương năm 2015:

- Phương thức sản xuất kinh doanh FOB: 18.50% doanh thu
- Phương thức gia công tối đa: 61% doanh thu
- Kinh doanh dịch vụ khác : 2% doanh thu
- Kinh doanh siêu thị tối đa: 15% doanh thu.
- Công ty quyết toán quỹ tiền lương thực hiện trên cơ sở đơn giá tiền lương và doanh thu thực hiện. Trường hợp doanh thu thực hiện cao hơn kế hoạch thì đơn giá tiền lương được điều chỉnh như sau :
- + Doanh thu thực tế vượt dưới 5% so với kế hoạch thì đơn giá tiền lương bằng 100% đơn giá gốc.
- + Doanh thu thực tế vượt từ 5% đến dưới 10% so với kế hoạch thì đối với phần doanh thu vượt đơn giá tiền lương được tính bằng 30% đơn giá gốc.

Căn cứ vào tình hình thực tế kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và diễn biến của thị trường, hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh đơn giá tiền lương cho phù hợp đảm bảo khuyến khích đông viên và giữ lao động.

Tổng Công ty May 10 đề xuất đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 là Công ty TNHH Kiểm toán KPMG.

Với một nhiệm kỳ 5 năm, từ 2010 – 2014 trong bối cảnh hoạt động kinh doanh đầy khó khăn, thị trường luôn biến động khó lường nhưng bằng nỗ lực, sự năng động và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, HĐQT, Cơ quan Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV Tổng Công ty May 10 đã hoàn thành nhiệm vụ, đạt và vượt kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

Trên trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Tổng Công ty May10.



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thiên Lý

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ 2010 - 2014
(Kèm theo báo cáo kết quả hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2010-2014)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014			Tổng cộng	So sánh % 14/10
							KH	TH	%		
1	Giá trị SXCN	Tỷ đồng	1.079,79	1.553,23	1.593,87	1.873,04	2.031,50	2.592,54	127,62	8.692,47	240,10
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.013,89	1.458,44	1.503,66	1.860,05	2.015,00	2.366,49	117,44	8.202,53	233,41
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	23,59	31,52	37,12	42,52	45,00	50,34	111,87	185,09	213,40
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	19,59	25,28	20,06	37,13	25,00	44,99	179,96	147,05	229,66
5	Trích khấu hao	Tỷ đồng	43,97	60,04	73,82	74,93	75,00	85,55	114,07	338,31	194,56
6	Quỹ lương trích chi phí	Tỷ đồng	255,97	326,48	346,49	414,57	469,80	546,63	116,35	1.890,14	213,55
7	Lao động bình quân	Người	7.771,00	8.225,00	8.080,00	8.458,00	9.000,00	7.484,00	83,16	40.018,00	96,31
8	Thu nhập bình quân	1000đ	3.040,66	3.527,93	4.503,00	5.122,00	5.556,00	6.041,69	108,74	22.235,28	198,70
9	Đầu tư	Tỷ đồng	101,77	152,61	121,57	123,99	243,28	130,80	53,77	630,74	128,53
10	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	%	15,00	18,00	18,00	18,00	18,00	18,00	100,00		120,00

(Theo nguồn báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG)

Ngày tháng 04 năm 2015

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2010-2014)

I. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2010 - 2014*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Địa điểm						Tổng cộng
			2010	2011	2012	2013	2014	
1	Dự án mở rộng năng lực sản xuất XN Bim Sơn	Bim Sơn Thanh Hoá	16.557,0	5.837,0				22.394,0
2	Duy tu, sửa chữa công trình vật kiến trúc & trang thiết bị đồ gỗ cho các đơn vị	Các đơn vị	9.949,6	1.305,0	16.113,4	11.405,0	15.081,4	53.854,4
3	Đầu tư chiều sâu thiết bị công nghệ	Các đơn vị	41.907,3	39.302,0	43.629,4	47.126,8	60.681,3	232.646,8
4	Dự án nhà máy veston Hưng Hà	Hưng Hà Thái Bình	5.000,0	87.854,0	43.425,9	20.425,9	15.385,7	172.091,5
5	Dự án xây dựng chuỗi siêu thị	Long Biên Hà Nội	7.505,0	3.013,3	261,0	5.153,0		15.932,3
6	Phương tiện vận tải	Các đơn vị	7.308,2	4.996,3				12.304,5
7	Đầu tư thiết bị quản lý, phần mềm	Các đơn vị	6.583,1	4.489,6	2.282,2	2.242,8		15.597,7
8	Dự án Hà Quảng - Bước 2	Quảng Bình				32.311,2	39.681,6	71.992,8
9	Cải tạo nhà khách May 10	Hà nội		1.500,0	10.724,6	4.341,7		16.566,3
10	Cải tạo nhà ăn May 10	Hà nội		2.900,0				2.900,0
11	Đầu tư khác	Hà nội		3.719,8	1.166,1	984,3		5.870,2
	Tổng		94.810,2	154.917,0	117.602,6	123.990,7	130.830,0	622.150,5

II. CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN

STT	Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014	Ghi chú
1	Nguồn vốn đầu tư	98.948	202.667	163.107	126.442	231.624	
1.1	Số dư đầu kỳ	2.423	8.843	20.715	(6.868)	(14.403)	
1.2	Nguồn khấu hao	43.970	60.040	73.820	74.930	85.550	
1.3	Quỹ đầu tư phát triển	3.704	4.390	5.638	5.513	6.154	
1.4	Vay khách hàng	5.850	41.300	-	-	18.855	
1.5	Vay các tổ chức tín dụng	32.918	47.476	5.095	37.486	44.570	
1.6	Nguồn vốn khác	10.083	40.617	57.840	15.381	90.898	
2	Thực hiện dự án đầu tư	78.253	152.621	117.603	123.991	130.830	
3	Nguồn trả nợ	11.852	29.331	52.373	16.854	35.870	
3.1	Trả nợ khách hàng	2.435	5.952	4.075	10.462	8.120	
3.2	Trả nợ vay đầu tư	9.417	23.379	48.298	6.392	27.750	
4	Cân đối Thừa (+), Thiếu (-)	8.843	20.715	(6.868)	(14.403)	64.924	

(Theo nguồn báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG)

Ngày tháng 04 năm 2015